

THỜI HẠN KHIẾU NẠI VÀ THỜI HIỆU KHỞI KIỆN TRONG QUAN HỆ TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI

*Kiều Dương**

Trong hoạt động thương mại, bên bị vi phạm trong quan hệ hợp đồng có quyền áp dụng chế tài trong thương mại và các biện pháp khác do các bên thoả thuận để bảo vệ lợi ích của mình. Tuy nhiên, quyền của bên bị vi phạm trong quan hệ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng có thể bị ảnh hưởng bởi thời gian theo các quy định pháp luật về thời hạn khiếu nại và thời hiệu khởi kiện. Bài viết này phân tích các quy định pháp luật về thời hạn khiếu nại và hậu quả của việc hết thời hạn khiếu nại; về thời hiệu khởi kiện và mối quan hệ giữa thời hạn khiếu nại và thời hiệu khởi kiện.

1. Quy định pháp luật về thời hạn khiếu nại và hậu quả của việc hết thời hạn khiếu nại

Pháp luật các nước đều quy định về khoảng thời gian trong đó các bên trong quan hệ hợp đồng phải thực hiện việc khiếu nại đối với các vi phạm hợp đồng hoặc bị ngăn cản việc đưa ra yêu cầu khiếu nại vì lý do thời gian đó. Xác định thời hạn này và hậu quả pháp lý của việc mất quyền do hết thời hạn được quy định khác biệt trong các hệ thống pháp luật quốc gia khác nhau. Sự đa dạng về ý nghĩa của những thuật ngữ “thời hiệu của quyền” (prescription of rights), “thời hạn khiếu nại” (limitation of claim) hay “thời hiệu khởi kiện” (limitation of legal proceedings) trong các hệ thống pháp luật quốc gia đã dẫn đến việc đề xuất sử dụng khái niệm “thời hiệu” (the limitation period) có tính chất trung hoà trong Công ước năm 1974 (sửa đổi năm 1980) của Liên

hợp quốc về thời hiệu liên quan đến mua bán hàng hoá quốc tế với ý nghĩa là “các yêu cầu khiếu nại... sẽ không thể được thực hiện vì lý do kết thúc một khoảng thời gian nhất định”¹.

Thời hạn khiếu nại, theo tinh thần của Điều 318 Luật Thương mại 2005, là khoảng thời gian dành cho việc khiếu nại của bên bị vi phạm trong quan hệ hợp đồng thương mại. Thuật ngữ “khiếu nại” trong Luật Thương mại năm 2005 không được định nghĩa một cách rõ ràng nhưng theo tác giả có thể được hiểu là yêu cầu thực hiện trách nhiệm do vi phạm hợp đồng như phải trả tiền, chuyển giao tài sản từ những thiệt hại hoặc yêu cầu tôn trọng và buộc thực hiện nghĩa vụ tương ứng với quyền chủ thể². Nội dung này phần nào đã được thể hiện trong quy định tại Điều 36 Bộ luật Hàng hải năm 2005³, Điều 170 Luật Hàng không dân dụng năm 2006, Điều 92 Luật Giao thông đường thuỷ nội địa năm 2004 hay Điều 49 Luật Các công cụ chuyển nhượng năm 2005⁴. Khiếu

¹ Xem Convention on the limitation period in the international sale of goods, Article 1, paragraph 1.

² Xem thêm định nghĩa thuật ngữ pháp lý khiếu nại (claim) tại <http://dictionary.law.com/Default.aspx?selected=205>

³ Đoạn 2 khoản 1 Điều 36 Bộ luật Hàng hải năm 2005 quy định: “Khiếu nại hàng hải là việc một bên yêu cầu bên kia thực hiện nghĩa vụ phát sinh liên quan đến hoạt động hàng hải”. Tuy nhiên, khiếu nại hàng hải không liên quan đến trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.

⁴ Điều 49, Luật Các công cụ chuyển nhượng năm 2005 quy định: “Trong trường hợp hối phiếu đòi nợ bị từ chối chấp nhận hoặc bị từ chối thanh toán, người thụ hưởng phải thông báo bằng văn bản cho người ký phát, người chuyển nhượng cho mình, người bảo lãnh cho những người này về việc từ chối thanh toán đó”.

* ThS. Luật học, giảng viên trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật thương mại, Bộ Công Thương.

nại diễn ra giữa hai bên trong quan hệ hợp đồng khi bên khiếu nại cho rằng có vi phạm hợp đồng xảy ra và đưa ra những yêu cầu thực hiện các biện pháp trách nhiệm tương ứng đối với bên bị khiếu nại. Trường hợp những yêu cầu này bị từ chối hoặc không được thực hiện, bên khiếu nại có thể yêu cầu các cơ quan tài phán giải quyết tranh chấp.

Cần phân biệt khiếu nại (claim) với thông báo của một bên (notice) về những vấn đề như khiếm khuyết của hàng hoá được giao nhận hay từ chối chấp nhận những hàng hoá không phù hợp hoặc có khiếm khuyết,... Trong trường hợp này thông báo đóng vai trò là tiền đề cho việc tiến hành hay thực hiện một khiếu nại cụ thể. Thực hiện thông báo các bên có những hành động điều chỉnh kịp thời quá trình thực hiện hợp đồng như tiến hành giám định để khẳng định chất lượng của hàng hoá giao nhận hoặc thay thế hàng hoá bị từ chối. Trong trường hợp một bên không thực hiện thông báo trong thời hạn yêu cầu (time-limits) có thể dẫn đến việc bên đó bị mất quyền khiếu nại đối với những hàng hoá khiếm khuyết hay không phù hợp. Nói cách khác, bên không thực hiện thông báo trong thời hạn hợp lý sẽ được coi là “chấp nhận” những hàng hoá khiếm khuyết hay không phù hợp đó. Tinh thần này được thể hiện trực tiếp tại khoản 2 Điều 96 Bộ luật Hàng hải năm 2005: *“Hàng hoá được coi là đã trả đủ và đúng như ghi trong vận đơn, giấy gửi hàng đường biển hoặc chứng từ vận chuyển khác, nếu người nhận hàng không thông báo bằng văn bản cho người vận chuyển về mất mát, hư hỏng hàng hoá chậm nhất là 3 ngày kể từ ngày nhận hàng, nếu không thể phát hiện thiệt hại từ bên ngoài”*.

Điều 39 Công ước năm 1980 của Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế (CISG 1980) quy định:

1. Người mua bị mất quyền khiếu nại về việc hàng hoá không phù hợp nếu người mua không thông báo cụ thể cho người bán về việc không phù hợp đó trong một khoảng

thời gian hợp lý kể từ khi người mua đã phát hiện ra hoặc đáng lẽ phải phát hiện ra sự không phù hợp đó.

2. Trong mọi trường hợp, người mua bị mất quyền khiếu nại về việc hàng hoá không phù hợp nếu họ không thông báo cho người bán biết về việc đó trong thời hạn 2 năm kể từ ngày hàng hoá đã thực sự được giao cho người mua, trừ khi thời hạn này khác với thời hạn bảo hành quy định tại hợp đồng.

Trong trường hợp này, khiếu nại và thông báo là hai hành vi pháp lý hoàn toàn khác biệt. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, sự phân biệt giữa khiếu nại (claim) và thông báo (notice) trong thời hạn khiếu nại theo quy định của pháp luật Việt Nam là không rõ ràng⁵.

Hậu quả pháp lý do không thực hiện khiếu nại trong thời hạn khiếu nại cũng là vấn đề cần xem xét bởi trong các quy định của pháp luật Việt Nam có hai cách tiếp cận: i) Coi khiếu nại “độc lập” với thủ tục tố tụng toà án và ii) Khiếu nại là một phần trong các quy định về thủ tục tố tụng toà án.

Theo quy định của Luật Thương mại 1997, thời hạn khiếu nại là thời hạn mà bên có quyền lợi bị vi phạm có quyền khiếu nại đối với bên vi phạm. Quá thời hạn khiếu nại, bên có quyền lợi bị vi phạm mất quyền khởi kiện tại trọng tài, toà án có thẩm quyền, cho dù thời hiệu khởi kiện chưa kết thúc. Như

⁵ Ví dụ, theo điểm d khoản 1 Điều 237 Luật Thương mại 2005, thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics không phải chịu trách nhiệm về những tổn thất đối với hàng hoá trong trường hợp không nhận được thông báo về việc khiếu nại trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày giao hàng cho người nhận. Khoản 4 Điều 96 Bộ luật Hàng hải quy định: “Người vận chuyển không phải bồi thường đối với tổn thất phát sinh do việc chậm trả hàng, trừ trường hợp thông báo về việc chậm trả hàng bằng văn bản được gửi tới người vận chuyển trong vòng sáu mươi ngày, kể từ ngày hàng hoá lẽ ra được giao theo thoả thuận trong hợp đồng”. Trong trường hợp này, thông báo về việc chậm trả hàng và thông báo về việc khiếu nại dường như không có sự khác biệt.

vậy, Luật Thương mại năm 1997 quan niệm việc tiến hành khiếu nại trong thời hạn khiếu nại luật định chính là thủ tục bắt buộc trước khi khởi động quá trình tố tụng tại toà án, trọng tài và khiếu nại là “bằng chứng” về tranh chấp thương mại giữa các bên để trọng tài, toà án có cơ sở giải quyết. Có lẽ chính vì vậy mà Điều 239 Luật Thương mại năm 1997 quy định, tranh chấp thương mại trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng giữa các bên; trong trường hợp thương lượng hoặc hoà giải không đạt kết quả thì tranh chấp thương mại được giải quyết tại trọng tài hoặc toà án.

Luật Hàng không dân dụng năm 2006 cũng có khuynh hướng coi các quy định về thời hạn như một phần của thủ tục tố tụng khi quy định tại Điều 170, trước khi khởi kiện về mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, vận chuyển chậm hàng hoá, người gửi hàng, người nhận hàng phải khiếu nại bằng văn bản đến người vận chuyển trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày nhận hàng trong trường hợp thiếu hụt, hư hỏng hàng hoá; 21 ngày, kể từ ngày trả hàng trong trường hợp mất mát hàng hoá. Khoản 5 của Điều luật này quy định: “Trường hợp khiếu nại không được thực hiện trong thời hạn quy định thì việc khởi kiện không có giá trị, trừ trường hợp có sự lừa dối từ phía người vận chuyển hoặc người có quyền khiếu nại có lý do chính đáng”. Mặc dù có ngoại lệ nhưng thời hạn khiếu nại trôi qua sẽ làm mất đi quyền khởi kiện của bên không khiếu nại.

Tương tự như vậy, Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 quy định thời hạn khiếu nại (yêu cầu bồi thường) mất mát, hư hỏng hàng hoá là 20 ngày, kể từ ngày hàng hoá được giao cho người nhận hoặc ngày mà lẽ ra hàng hoá phải được giao cho người nhận. Người kinh doanh vận tải có trách nhiệm giải quyết yêu cầu bồi thường trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày có yêu cầu bồi thường của người thuê vận tải. Trường hợp hai bên không giải quyết được

yêu cầu bồi thường thì có quyền khởi kiện tại trọng tài hoặc toà án. Thời hiệu khởi kiện đòi bồi thường mất mát, hư hỏng là 1 năm, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết yêu cầu bồi thường nêu trên⁶. Trong vụ án phát sinh từ những tranh chấp này, các thẩm phán sẽ phải lưu ý các bên tranh chấp đã khiếu nại với nhau hay chưa và có trong thời hạn khiếu nại theo quy định của pháp luật hay không.

Luật Thương mại năm 2005 quy định thời hạn khiếu nại do các bên thoả thuận, nếu các bên không có thoả thuận thì được quy định là: i) Ba tháng, kể từ ngày giao hàng đối với khiếu nại về số lượng hàng hoá; ii) Sáu tháng, kể từ ngày giao hàng đối với khiếu nại về chất lượng hàng hoá; trong trường hợp hàng hoá có bảo hành thì thời hạn khiếu nại là ba tháng, kể từ ngày hết thời hạn bảo hành; iii) Chín tháng, kể từ ngày bên vi phạm phải hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc trong trường hợp có bảo hành thì kể từ ngày hết thời hạn bảo hành đối với khiếu nại về các vi phạm khác. Thời hạn khiếu nại đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics là 14 ngày, kể từ ngày giao hàng cho người nhận⁷. Như vậy, Luật Thương mại năm 2005 cũng quy định về thời hạn khiếu nại nhưng không còn giữ lại những quy định về việc mất quyền khởi kiện khi không khiếu nại trong thời hạn khiếu nại như Luật Thương mại năm 1997. Hậu quả pháp lý của việc không tiến hành khiếu nại trong thời hạn quy định thể hiện trong một số quy định pháp luật cụ thể như: Quy định về trách nhiệm đối với hàng hoá không phù hợp với hợp đồng của bên bán tại khoản 2 Điều 40, quy định về miễn trách nhiệm đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics tại điểm d khoản 1 Điều 237 Luật Thương mại 2005 hoặc quy định tại khoản 4

⁶ Xem Điều 92 Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004.

⁷ Xem điểm d khoản 1 Điều 237 và Điều 318 Luật Thương mại năm 2005.

Điều 96 Bộ luật Hàng hải năm 2005. Trong những trường hợp này, việc không tiến hành khiếu nại trong thời hạn khiếu nại không làm mất đi quyền khởi kiện tại toà án, trọng tài cho tới khi thời hiệu khởi kiện kết thúc mà chỉ dẫn đến việc miễn trách nhiệm cho một bên trong quan hệ hợp đồng. Nếu thủ tục tố tụng tại trọng tài, toà án có liên quan được thực hiện, thời hạn khiếu nại sẽ được viện dẫn như biện pháp tự vệ của một bên trong quan hệ hợp đồng.

Vấn đề đặt ra là, ý nghĩa pháp lý của “thời hạn khiếu nại” theo quy định của pháp luật là gì? Hết thời hạn khiếu nại, bên bị vi phạm trong quan hệ hợp đồng có thể tiếp tục yêu cầu bên vi phạm thực hiện trách nhiệm do vi phạm hợp đồng nữa hay không? Trong cả hai cách tiếp cận nêu trên, dường như quy định về thời hạn khiếu nại chỉ nhằm buộc một bên phải đưa ra yêu cầu thực hiện trách nhiệm liên quan đến vi phạm hợp đồng trong thời hạn hợp lý, bất kể là yêu cầu đó có được bên kia chấp nhận hay không. Nếu không thực hiện được như vậy, việc khởi kiện tại toà án, trọng tài để làm cho yêu cầu đó phải được đáp ứng sẽ không thể đạt kết quả do hoặc trọng tài, toà án từ chối thụ lý đơn khởi kiện, hoặc toà án, trọng tài sẽ bác yêu cầu vì bên vi phạm đã được miễn trách nhiệm. Thời hạn khiếu nại theo pháp luật hiện hành không phải là khoảng thời gian giới hạn dành cho quyền yêu cầu thực hiện trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mà nếu kết thúc khoảng thời gian đó, quyền yêu cầu của bên bị vi phạm bị tước bỏ. Hết thời hạn khiếu nại sẽ không làm mất đi quyền yêu cầu của bên bị vi phạm mà chỉ ngăn cản việc bắt buộc bên vi phạm phải thực hiện nếu bên đó không tự nguyện. Có lẽ đây chính là lý do mà các nhà làm luật không đưa ra khái niệm “thời hiệu khiếu nại” với tính chất tương tự như khái niệm về “thời hiệu khởi kiện”.

2. Thời hiệu khởi kiện và mối quan hệ giữa thời hạn khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

Thời hiệu khởi kiện là thời hạn do pháp luật quy định mà trong đó, các bên có thể tiến hành các thủ tục tố tụng tại cơ quan tài phán để yêu cầu thực hiện trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại. Khoản 3 Điều 155 Bộ luật Dân sự quy định: “Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu toà án giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện”. Trong tố tụng trọng tài cũng xuất hiện thuật ngữ thời hiệu khởi kiện với ý nghĩa tương tự. Trường hợp thời hiệu khởi kiện đã hết, trọng tài, toà án sẽ từ chối giải quyết tranh chấp⁸.

Hậu quả pháp lý của việc hết thời hiệu khởi kiện là các bên trong quan hệ hợp đồng mất quyền khởi kiện tại toà án để bảo vệ quyền và lợi ích bị xâm phạm. Trong tranh chấp do vi phạm hợp đồng thương mại, mất quyền khởi kiện đồng nghĩa với việc những yêu cầu khiếu nại của một bên sẽ không thể thông qua quyền lực nhà nước để buộc bên kia phải thực hiện. Cũng tương tự như trường hợp hết thời hạn khiếu nại, thời hiệu khởi kiện kết thúc không chấm dứt quyền yêu cầu mà chỉ cản trở việc thực hiện quyền yêu cầu của bên bị vi phạm. Điều này cũng có thể nhận thấy qua sự hiện hữu của quy định về việc bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện

⁸ Có sự khác biệt giữa thời hiệu khởi kiện tại trọng tài và thời hiệu khởi kiện tại toà án xuất phát từ bản chất của hai thủ tục tố tụng này. Quan điểm này được thể hiện tại khoản 6 Điều 44 dự thảo Luật Trọng tài thương mại ngày 13/3/2010: “Trong trường hợp toà án quyết định vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài, Hội đồng trọng tài ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ tranh chấp. Nếu không có thoả thuận khác, các bên có quyền khởi kiện vụ tranh chấp ra toà án. Thời hiệu khởi kiện ra toà án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nhưng không tính thời gian từ ngày nguyên đơn khởi kiện tại trọng tài đến ngày toà án ra quyết định về các vấn đề nêu tại Điều này”. Trong phạm vi bài viết, thời hiệu khởi kiện được tác giả đề cập đến là thời hiệu khởi kiện tại toà án.

khi có sự thừa nhận hoặc thực hiện thực tế nghĩa vụ đối với bên có quyền⁹.

Theo quy định của pháp luật, chủ thể có quyền viện dẫn việc mất quyền khởi kiện do hết thời hiệu khởi kiện trước hết chính là toà án. Toà án có trách nhiệm xem xét khi có đơn khởi kiện và phải ra quyết định từ chối đơn kiện nếu thời hiệu khởi kiện đã hết¹⁰. Trong thực tiễn hoạt động tư pháp, nếu toà án bỏ qua hoặc xác định không chính xác về thời hiệu khởi kiện dẫn đến quyết định thụ lý và xét xử tranh chấp, để tự bảo vệ, một bên có thể viện dẫn việc hết thời hiệu khởi kiện để chống lại bản án, quyết định của toà án có liên quan.

Như vậy, hết thời hiệu khởi kiện sẽ tước quyền khởi động thủ tục tố tụng của các bên để buộc bên kia phải thực hiện các biện pháp trách nhiệm đã yêu cầu. Tuy nhiên, bản thân nó không làm mất quyền yêu cầu của các bên mà chỉ làm phát sinh khả năng sử dụng nó như một biện pháp tự vệ của một bên tranh chấp.

Mối quan hệ giữa thời hạn khiếu nại và thời hiệu khởi kiện thể hiện ở chỗ, thời hạn khiếu nại thường ngắn hơn nhiều so với thời hiệu khởi kiện và phải kết thúc trước khi kết thúc thời hiệu khởi kiện. Trường hợp khiếu nại là thủ tục bắt buộc phải thực hiện trước khi tiến hành thủ tục tố tụng, có lẽ nhà làm luật cho rằng tranh chấp không mặc nhiên phát sinh khi có vi phạm hợp đồng nếu không có hành động khiếu nại từ phía bên bị vi phạm. Thời hạn khiếu nại trong tình huống này chính là khoảng thời gian dành cho hành động của bên vi phạm. Nếu không

thực hiện khiếu nại trong thời hạn quy định, tranh chấp không tồn tại và bên bị vi phạm không thể tiến hành việc khởi kiện. Trường hợp khiếu nại không phải là thủ tục bắt buộc trước khi khởi kiện, thời hạn khiếu nại do các bên thoả thuận hoặc do pháp luật quy định. Nếu các bên không thoả thuận thì quy định của pháp luật về thời hạn khiếu nại cũng tương đối ngắn so với thời hạn khởi kiện.

Khác với thời hạn khiếu nại, pháp luật hiện hành không cho phép các bên tự do thoả thuận về thời hiệu khởi kiện. Thời điểm bắt đầu và độ dài khoảng thời gian dành cho quyền khởi kiện của các bên được quy định khác nhau tùy thuộc vào từng loại tranh chấp. Đối với phần lớn các tranh chấp hợp đồng thương mại, thời hiệu khởi kiện là 2 năm kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại. Trong một số tranh chấp khác thời hiệu được quy định ngắn hơn hoặc dài hơn. Luật Thương mại năm 2005 quy định thời hiệu khởi kiện các tranh chấp thương mại là 2 năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm: thời hiệu khởi kiện thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics là 9 tháng, kể từ ngày giao hàng. Việc xác định ngày bắt đầu thời hiệu khởi kiện là ngày có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm phụ thuộc vào từng tranh chấp. Các tranh chấp liên quan đến số lượng, chất lượng hàng hoá thì ngày có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm được hiểu là ngày giao nhận hàng, trường hợp hàng hoá có bảo hành là ngày hết thời hạn bảo hành đối với tranh chấp về chất lượng hàng hoá. Các tranh chấp khác liên quan đến nghĩa vụ phải hoàn thành theo hợp đồng thì ngày bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện là ngày bên vi phạm phải hoàn thành nghĩa vụ hoặc trường hợp hàng hoá có bảo hành thì kể từ ngày hết thời hạn bảo hành. Thời hiệu khởi kiện đối với các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 là 3 năm, kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp. Bộ luật Hàng hải

⁹ Điều 162 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại trong trường hợp sau:

a) Bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện;
b) Bên có nghĩa vụ thực hiện xong một phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện;
c) Các bên đã tự hoà giải với nhau".

¹⁰ Xem Điều 168 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2005.

năm 2005 quy định thời hiệu khởi kiện về tồn thất hàng hoá vận chuyển theo chứng từ vận chuyển là 1 năm, kể từ ngày trả hàng hoặc lẽ ra phải trả hàng cho người nhận hàng; thời hiệu khởi kiện về việc thực hiện hợp đồng vận chuyển hàng hoá theo chuyến là 2 năm kể từ ngày người khởi kiện biết hoặc phải biết quyền lợi của mình bị xâm phạm. Ngoài ra, Bộ luật này cũng quy định thời hiệu khởi kiện liên quan đến hợp đồng thuê tàu là 2 năm, kể từ ngày chấm dứt hợp đồng; thời hiệu khởi kiện về việc thực hiện hợp đồng cứu hộ hàng hải là 2 năm, kể từ ngày kết thúc hành động cứu hộ; thời hiệu khởi kiện về việc thực hiện hợp đồng đại lý tàu biển, hợp đồng môi giới hàng hải, lai dắt tàu biển là 2 năm, kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Đối với yêu cầu bồi thường hàng hoá trong hợp đồng vận chuyển hàng hoá đường thuỷ nội địa, thời hiệu khởi kiện là 1 năm kể từ ngày hết thời hạn giải quyết yêu cầu đòi bồi thường¹¹. Đối với vận chuyển hàng hoá bằng đường hàng không, thời hiệu khởi kiện về trách nhiệm bồi thường thiệt hại xảy ra cho hàng hoá là 2 năm kể từ ngày tàu bay đến địa điểm đến, ngày tàu bay phải đến địa điểm đến hoặc từ ngày việc vận chuyển bị chấm dứt tùy thuộc vào thời điểm nào đến muộn nhất¹².

Về tính gián đoạn của thời hiệu khởi kiện, với vai trò là “luật gốc”, Bộ luật Dân sự quy định thời gian không tính vào thời hiệu là khoảng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan làm cho chủ thể có quyền khởi kiện không thể khởi kiện trong phạm vi thời hiệu. Dự thảo Luật Trọng tài thương mại đã đề xuất phương án

không tính vào thời hiệu khởi kiện tại toà án khoảng thời gian từ ngày nguyên đơn khởi kiện tại trọng tài đến ngày toà án ra quyết định vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài. Tuy vậy, một số sự kiện xảy ra trong thực tiễn kinh doanh có thể ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng thực hiện quyền khởi kiện như bên vi phạm bị tiến hành thủ tục giải thể, bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hay bị áp dụng thủ tục phá sản... chưa được làm sáng tỏ trong các quy định của pháp luật về thời hiệu khởi kiện.

Mục đích cơ bản của những quy định về giới hạn thời gian là nhằm ngăn ngừa tình trạng không rõ ràng và những nguy cơ đe dọa sự ổn định của hoạt động kinh doanh do việc chậm trễ đưa ra khiếu nại cũng như việc mất mát hay thiếu hiệu lực pháp lý của các bằng chứng liên quan đến việc giải quyết những khiếu nại được đưa ra chậm trễ một cách không thích hợp. Thời hạn quá dài sẽ làm cho những mục tiêu cơ bản của quy định pháp luật về thời hạn không thể đạt được nhưng thời hạn quá ngắn sẽ không đáp ứng được đòi hỏi từ thực tiễn kinh doanh, đặc biệt là trong các quan hệ thương mại quốc tế, cần có khoảng thời gian phù hợp cho việc thương lượng và sau đó tiến hành các thủ tục tố tụng pháp lý. Hoạt động thương mại ngày càng phát triển đa dạng và phức tạp, đòi hỏi các quy định pháp luật về thời hạn khiếu nại, thời hiệu khởi kiện phải phù hợp, mang tính thống nhất, tương thích với pháp luật quốc tế và thuận lợi cho việc áp dụng. Điều này cần thêm nhiều bàn luận và đánh giá của các nhà nghiên cứu và các nhà lập pháp.

¹¹ Xem khoản 3 Điều 92 Luật Giao thông đường thuỷ nội địa năm 2004.

¹² Xem Điều 174 Luật Hàng không dân dụng năm 2006.